

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/KDTMST
Ngày: 28/08/2019
*Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
hợp tác kinh doanh và hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Đức Hào
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Bà Vũ Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2019, tại Trụ sở TAND thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2018/TLST- DSST ngày 02/04/2018 về việc “ tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-DS ngày 18/06/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019 ngày 04/7/2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB – TA ngày 31/7/2019 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần khoáng sản V.

Địa chỉ: Mỏ P Núi T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đàm Thị Hồng H - Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Q (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH L;

Địa chỉ: ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Hoài H - Giám đốc (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/03/2018, bản tự khai ngày 19/04/2018 và lời khai tại phiên tòa, bà Võ Thị Q trình bày:

Ngày 18/5/1996, Công ty khoáng sản tỉnh B (nay là Công ty cổ phần khoáng sản V) đã ký Hợp đồng kinh tế số: 05/HĐKT với Công ty TNHH L, về

việc hợp tác sản xuất kinh doanh đá vật liệu xây dựng tại mỏ đá xây dựng C thuộc xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với thời hạn là 18 năm kể từ ngày 18/5/1996.

Cùng ngày hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01 để cụ thể hóa một số nội dung của Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT ký ngày 18/5/1996.

Ngày 10/03/1999, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 02/PL.HĐKT bổ sung và làm rõ một số nội dung của hợp đồng số 05/ HĐKT.

Ngày 30/12/2008, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/2008-PL.HĐKT, về việc bổ sung một số nội dung :

“a- Thay đổi điều IV của hợp đồng 05/HĐKT từ việc phân chia sản phẩm theo doanh thu thành : Bên A gia công đá nguyên liệu cho bên B với đơn giá 30.000 đồng/m³.

Thay đổi điều V của hợp đồng 05/HĐKT về phương thức thanh toán :

- Sau khi Bên B yêu cầu bên A khoan – nổ mìn để đáp ứng như cầu sản xuất, thì Bên B phải tạm ứng trước cho bên A 50% giá trị khối lượng đá nguyên liệu trên 1 hộ chiếu, 50% giá trị còn lại bên B phải thanh toán dứt điểm cho Bên A sau 30 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

- Nếu bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất quá hạn của ngân hàng cho thời hạn chậm trả và bên A có quyền từ chối ngưng khoan nổ mìn cho đến khi Bên B thanh toán hết công nợ cho Bên A.”

Ngày 23/09/2009, Hai bên ký phụ lục số 02/2009 PLHĐ.KSV.ĐTKD thay đổi đơn giá gia công của phụ lục số 01/2008-PL.HĐKT từ 30.000 đồng / m³ thành 35.000 đồng /m³.

Ngày 23/05/2009, hai bên ký Hợp đồng kinh tế số 20/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD về việc Công ty cổ phần khoáng sản V bán đá nguyên liệu cho Công ty TNHH L :

“a- Giá bán : 30.000 đồng/m³.

Phương thức thanh toán :

- Khi bên B yêu cầu bên A khoan – nổ mìn để cung cấp đá nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất, thì Bên B phải thanh toán cho Bên A 50% giá trị khối lượng đá nguyên liệu trên một hộ chiếu nổ mìn ngay sau khi 02 bên ký biên bản giao nhận đá nguyên liệu, 50% giá trị còn lại bên B phải thanh toán dứt điểm cho Bên A sau 30 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn GTGT cho bên B.

- Trong trường hợp Bên B không thanh toán đủ, đúng thời hạn và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho bên A về việc chậm thanh toán, thì Bên A ngưng ngay việc khoan nổ mìn cho Bên B.”

Ngày 25/09/2009, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/2009 PLHĐ.KSV.ĐKD về việc điều chỉnh đơn giá của hợp đồng số 20/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD ký ngày 23/05/2009 thành 35.000 đồng/m³;

Ngày 01/07/2010 ký phụ lục số 02/2010-PL.KSV.KD; ngày 26/07/2011 ký Phụ lục số 03/2011.PL-HĐKT.KSV về việc gia hạn thời gian hiệu lực của Hợp đồng số 20/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD ngày 23/05/2009.

Thông báo điều chỉnh giá số 386/TB-KSV-KD ngày 30/9/2010 lên: 40.000đ/m³.

Ngày 01/12/2010, hai bên ký hợp đồng mua bán đá dăm cấp phối Dmax 25mm số 42A/2010-HĐMB.KSV.KD, về việc bên A bán đá nguyên liệu cho bên B với giá 117.000 đồng/m³.

- Tính đến ngày 31/05/2014 : Công ty TNHH L còn nợ Công ty TNHH MTV khoáng sản B (BVMC) số tiền nợ gốc theo bản xác nhận công nợ số: 14/6/2014 ngày 12/06/2014 số tiền **4.663.385.114 đồng**.

Từ ngày 31/05/2014 đến nay hai bên có phát sinh bán hàng và trả nợ tiền mua hàng :

1- Phần nợ tiền mua hàng :

Diễn biến công nợ	Giá trị (đồng)
- Công ty TNHH L còn nợ Công ty cổ phần khoáng sản V đến ngày 31/05/2014 theo bảng đối chiếu số: 14/6/2014 ngày 12/06/2014	4.663.385.114
+ Phát sinh tăng công nợ do mua hàng	7.198.623.000
+ Bên Công ty TNHH L đã trả nợ	7.814.762.500
- Số tiền nợ gốc Bên B còn nợ Bên A	4.047.245.614

2- Nợ tiền lãi do không thanh toán đúng thời hạn theo nội dung của các hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng tính đến ngày 28/08/2019 là : **2.655.548.994 đồng**.

3- Tổng số tiền Công ty TNHH L còn Công ty CP Khoáng Sản V bao gồm nợ tiền mua hàng và lãi tính đến ngày 28/08/2019 là : **6.702.794.608 đồng**.

Công ty cổ phần khoáng sản V đã nhiều lần mời đại diện của Công ty L đến làm việc về tình hình trả nợ đồng thời gửi rất nhiều công văn yêu cầu Công ty L thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty khoáng sản. Cụ thể :

- Ngày 28/09/2016 công văn số 58/KSVT.JSC đề nghị Công ty TNHH L cam kết trả nợ.

- Ngày 31/05/2017 Công văn số 94/2017-KSVT JSC cũng đề nghị Công ty TNHH L thanh toán dứt điểm số nợ đã quá thời hạn thanh toán.

Nhưng đến hôm nay Công ty TNHH L vẫn không thanh toán dứt điểm công nợ còn tồn đọng. Việc chậm thanh toán của Công ty TNHH L đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty khoáng sản.

Công ty cổ phần Khoáng sản V kính đề nghị Tòa buộc Công ty TNHH L thanh toán cho Công ty khoáng sản như sau:

Công ty TNHH L phải thanh toán ngay một lần cho Công ty Chúng tôi với tổng số tiền mà Công ty L còn nợ quá hạn và tiền lãi chậm trả đến nay là **6.702.794.608 đồng**.

Theo bản tự khai ngày 29/10/2018 và tại phiên tòa, Đại diện bị đơn là bà Mai Thị Hoài H trình bày:

Bà H không công nhận số nợ này vì bà H không được bàn giao công nợ này từ giám đốc cũ. Thời điểm bà H nhận bàn giao các cổ đông thông báo lại là đang xảy ra tranh chấp giữa bên đối tác khoáng sản và Công ty TNHH L.

Công ty TNHH L không chấp nhận số nợ và không chấp nhận trả nợ theo đơn khởi kiện của công ty cổ phần Khoáng Sản V.

Lý do Công ty TNHH L không đồng ý trả tiền cho Công ty cổ phần khoáng sản V: Số tiền công ty cổ phần khoáng sản V khởi kiện là số tiền Công ty TNHH L nợ cũ trước năm 2011 do lỗi của công ty khoáng sản vi phạm, làm sai phụ lục hợp đồng kinh tế. Khi nghiệm thu đá nguyên liệu: Tự ý tăng hệ số nở rời Kr, bỏ trừ tỷ lệ hao hụt, tự ý tăng giá, ngưng hoạt động kéo dài dẫn đến Công ty L lâm vào tình trạng khó khăn. Hiện nay Công ty L không có bất kỳ tài sản gì. Không có khả năng thanh toán. Quyền lợi của các Công ty trên mỏ đá Châu Pha được hưởng 85-90%, bên khoáng sản được hưởng từ 10-15% như trong các hợp đồng và phụ lục hợp đồng hai bên đã ký. Hiện tại, Công ty khoáng sản đã cổ phần hóa và bán Công ty nên ảnh hưởng rất lớn đến thỏa thuận ban đầu giữa hai Công ty đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh. Công ty TNHH L không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thời hạn giải quyết vụ án đã quá hạn luật định. Các đương sự nhiều lần thống nhất đề nghị Tòa cho thời gian tự hòa giải nhưng đã không thống nhất hòa giải được. Về nội dung: Ngày 18/5/1996, Công ty TNHH MTV đầu tư và kinh doanh khoáng sản V (nay là Công ty cổ phần khoáng sản V) đã ký hợp đồng hợp tác kinh tế số 05/HĐKT với Công ty TNHH L. Thời hạn là 18 năm kể từ ngày 18/5/1996. Theo hợp đồng, Công ty khoáng sản V được hưởng tỷ lệ phân chia theo từng loại đá khai thác được. Sau khi ký hợp đồng, hai bên còn ký thỏa thuận nhiều phụ lục hợp đồng. Ngày 23/05/2009, hai bên ký Hợp đồng kinh tế số 20/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD về việc Công ty cổ phần khoáng sản bán đá nguyên liệu cho Công ty TNHH L và các phụ lục hợp đồng như trình bày của đại diện nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng trên thực tế: Đối với mỗi hộ chiếu nổ mìn khai thác đá thì hai bên đều có biên bản xác nhận kết quả nổ mìn có xác nhận của đại diện hai bên Công ty và có ghi rõ khối lượng, đơn giá và thành tiền. Đồng thời, Công ty TNHH L ra hóa đơn giá trị gia tăng xác nhận phần khối lượng và phần tiền của Công ty khoáng sản. Mặc khác, Công ty khoáng sản cũng bán cho Công ty TNHH L 1 số khối lượng đá nguyên liệu theo các hóa đơn giá trị gia tăng. Tính đến ngày 31/5/2014 hai bên đã ký xác nhận công nợ là: 4.663.385.114. Sau ngày này, hai bên vẫn tiếp tục thực hiện các hợp đồng và trả nợ. Tính đến ngày 28/02/2018 nợ gốc là: 4.047.245.614 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 28/8/2019 là: 2.655.548.994 đồng. Phía đại diện bị đơn cho rằng phần xác nhận nợ là của giám đốc cũ và phần phát sinh mới chưa ký xác nhận nợ nên không trả là không đúng. Bởi lẽ Công ty TNHH L vẫn hoạt động và số nợ của Công ty này không ảnh hưởng do việc thay đổi trong nội bộ Công ty. Đối với số nợ phát sinh thì Công ty khoáng sản đã giao hàng và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty L. Trong báo cáo thuế

Công ty L cũng đã kê khai, báo cáo thuê các hóa đơn này nên đại diện bị đơn cho rằng chưa đối chiếu nợ để không trả là không đúng. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Công ty khoáng sản tỉnh B (sau này đổi là Công ty TNHH MTV đầu tư và kinh doanh khoáng sản V và nay là Công ty cổ phần khoáng sản V) đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐKT ngày 18/5/1996 và hợp đồng mua bán đá nguyên liệu số 20/2009/HĐKT-KSV.ĐTKD ngày 23/05/2009; hợp đồng mua bán đá dăm cấp phối Dmax 25mm số 42A/2010- HĐMB.KSV.KD ngày 01/12/2010. Do vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán hàng hóa và trong thời hiệu khởi kiện.

Về pháp nhân Công ty cổ phần khoáng sản V (sau đây gọi tắt là Công ty khoáng sản V): Công ty khoáng sản tỉnh B được thành lập theo quyết định số 05/QĐ-UBT ngày 24/4/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 31/8/2004, Công ty được đổi tên thành Công ty khoáng sản V. Ngày 06/12/2005 được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV đầu tư và kinh doanh khoáng sản V. Ngày 10/6/2014 được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV khoáng sản B. Ngày 02/8/2016 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần khoáng sản V. Quá trình chuyển đổi Công ty trên thì các Công ty sau khi được chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các Công ty trước khi chuyển đổi nên pháp nhân Công ty không thay đổi.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Công ty khoáng sản V đã ký hợp đồng hợp tác số 05 ngày 18/5/1996 và 04 phụ lục kèm theo; ký hợp đồng mua bán đá nguyên liệu số 20 ngày 23/5/2009 và 02 phụ lục hợp đồng; ký hợp đồng số 42A ngày 01/12/2010 với Công ty TNHH L như đại diện nguyên đơn đã trình bày ở trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty khoáng sản V được cấp phép khai thác mỏ đá số 490/QĐ/QLTN của Bộ Công Nghiệp cấp ngày 14/02/1996. Công ty đã ký hợp đồng hợp tác khai thác đá với Công ty TNHH L. Theo hợp đồng, Công ty TNHH L có trách nhiệm đầu tư để phục vụ việc khai thác mỏ đá; Công ty khoáng sản V có trách nhiệm nổ mìn. Đề thuận lợi, Hai bên Công ty ký các hợp đồng mua bán đá nguyên liệu số 20 và 42A như trên. Quá trình thực hiện hợp tác kinh doanh, ban đầu hai bên Công ty phân chia tỷ lệ hưởng trên số lợi nhuận thu được. Sau đó, hai bên ký các phụ lục hợp đồng bán đá nguyên liệu khai thác được và điều chỉnh đơn giá gia công đá nguyên liệu đối với Công ty TNHH L. Như vậy việc ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán hàng hóa trên mục đích nhằm khai thác đá và phân chia lợi nhuận.

Công nợ phát sinh giữa hai Công ty: Theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì từ năm 2009 bắt đầu khai thác đá và công nợ giữa hai Công ty phát sinh từ ngày bắt đầu nổ mìn khai thác đá vào ngày 14/6/1996. Hai bên Công ty trên đã nhiều lần đối chiếu công nợ. Trong thực tế quá trình khai thác đá, thanh toán công nợ diễn ra xen kẽ nhau thành nhiều đợt. Đợt đối chiếu công nợ cuối cùng là vào ngày 12/06/2014 và lần trả cuối cùng là ngày 29/7/2016. Tại bản xác nhận công nợ ngày 12/6/2014, đại diện Công ty TNHH L là ông Phạm Kiều H, chức vụ: giám đốc, đã xác nhận Công ty TNHH L còn nợ Công ty TNHH MTV ĐT và KD khoáng sản V số tiền là: 4.663.385.114 đồng tính đến ngày 31/05/2014. Sau đó, hai bên Công ty vẫn tiếp tục các hợp đồng trên và vẫn tiếp tục thanh toán công nợ cho nhau. Việc đại diện Công ty TNHH L cho rằng việc xác nhận công nợ của giám đốc cũ và nay đã thay đổi giám đốc mới để từ chối thanh toán công nợ là không đúng vì số nợ đối chiếu trên là công nợ của pháp nhân và đến nay pháp nhân này vẫn còn tồn tại. Hơn nữa, sau khi thay đổi giám đốc thì Công ty TNHH L vẫn tiếp tục thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán đá nguyên liệu trên. Quá trình phát sinh nợ và trả nợ vẫn diễn ra song song với quá trình khai thác đá. Việc tranh chấp số nợ này chỉ phát sinh khi Công ty cổ phần khoáng sản ngưng nổ mìn khai thác đá.

Về công nợ phát sinh từ sau ngày 31/05/2014 đến nay: Công ty khoáng sản V cung cấp 11 hóa đơn giá trị gia tăng về việc bán đá nguyên liệu cho Công ty TNHH L thể hiện giá trị đá nguyên liệu là: 7.198.623.000 đồng. Công ty TNHH L đã thanh toán 24 lần cho Công ty cổ phần khoáng sản V với số tiền là: 7.658.011.000 đồng. Đại diện Công ty TNHH L cho rằng không ký xác nhận công nợ số tiền này nên không thanh toán là không đúng. Qua xác minh tại Chi cục thuế thị xã Phú Mỹ, thì Công ty TNHH L đã nhận được các hóa đơn giá trị gia tăng này và cũng đã kê khai thuế hàng năm. Như vậy, quá trình thực hiện khai thác đá, bán đá nguyên liệu phù hợp với việc xuất các hóa đơn bán đá nguyên liệu trên. Mặc dù Công ty TNHH L không tiến hành đối chiếu công nợ nhưng trên cơ sở các hóa đơn chứng từ, số lượng tiền Công ty TNHH L đã trả cho Công ty cổ phần khoáng sản sẽ xác định được số nợ gốc của Công ty TNHH L còn lại là: 4.047.245.614 đồng.

Số tiền nợ lãi Công ty cổ phần khoáng sản tính từ ngày 01/06/2014 đến nay theo lãi suất thấp hơn lãi suất quá hạn trung bình là 13,25 %/ năm của 3 ngân hàng trong đó Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 12,75%, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam 15%/ năm và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 12%/năm. Do đó, chấp nhận mức lãi suất mà Công ty đưa ra là có lợi cho bị đơn tại thời điểm trả nợ là: 2.655.548.994 đồng là thiện chí và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 4 phụ lục 01/208/PLHĐKT ngày 30/12/2008; Điều 4 Hợp đồng 20/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD ngày 23/05/2009; Điều 4 Hợp đồng 42A/2010/HĐMB.KSV.ĐT ngày 01/12/2012 thì thời hạn thanh toán của Công ty TNHH L cho Công ty cổ phần khoáng sản V là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Việc Công ty TNHH L nại ra các lý do trên để không thanh toán là vi phạm các hợp đồng kinh tế trên. Nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc

Công ty TNHH L trả cho Công ty cổ phần khoáng sản V số tiền nợ gốc là: 4.047.245.614 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/8/2019 là: 2.655.548.994 đồng.

[3]. Về án phí dân sự có giá ngạch là: 114.702.795 đồng. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Công ty TNHH L phải nộp toàn bộ tiền án phí là 114.702.795 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty cổ phần khoáng sản V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 307 Luật thương mại 2005.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần khoáng sản V

2. Buộc Công ty TNHH L có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần khoáng sản V số tiền nợ gốc là 4.047.245.614 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 28/8/2019 là: 2.655.548.994 đồng

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH L phải nộp tiền án phí có giá ngạch là: 114.702.795 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần khoáng sản V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.529.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000960 ngày 30/3/2019 tại Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4. Kể từ ngày Công ty cổ phần khoáng sản V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH L không trả số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty TNHH L còn phải trả thêm cho Công ty cổ phần khoáng sản V số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

